

Bản án số: 07/2018/DS – ST
Ngày: 05 – 02 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng thuê
quyền sử dụng đất



**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2/ Ông Nguyễn Văn Mua

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Bà Trần Thúy Liễu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2017/TLST - DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST - DS ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Cụ Phan Thị H, sinh năm 1937 (*có mặt*)

2/ Ông Lê Văn L, sinh năm 1966 (*có mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Phan Thị H là: Bà Nguyễn Thị T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1980 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp M2, xã M1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1979 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp P, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của ông D: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp M2, xã M1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lý Phú T, sinh năm 1982 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp MP1, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 8 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn cụ Phan Thị H và ông Lê Văn L trình bày:*

Sau vụ lúa đông xuân năm 2016 ông Phạm Văn Đ có tiến hành mở họp dân tại nhà ông Mai Văn T - Phó bí thư ấp M3, xã M1 để bàn và thông báo cho bà con biết việc cho người khác thuê đất trồng cam, sau khi ông Đ giải thích về giá cả và hình thức cho thuê mọi người thống nhất và giao cho ông Đ tiến hành làm hợp đồng cho thuê với bên thuê. Trong đó cụ H, ông L đồng ý cho ông D và ông H thuê phần đất ruộng của mình tại thửa số 300, diện tích 11.810m², tọa lạc ấp M3, xã M1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, việc thuê đất có làm hợp đồng các bên đồng ý ký tên ngày 03/11/2016, giá thuê đất là 4.000.000 đồng/1000m²/01năm, hình thức thanh toán chia làm 02 đợt. Đợt 1: ngày 03/11/2016 cụ H, ông L đã nhận được số tiền thanh toán là 118.100.000 đồng. Đợt 2: ngày 20/12/2016 (Âl) chưa thanh toán do phát sinh tranh chấp.

Nguyên nhân tranh chấp phía bị đơn là ông D, ông H đã vi phạm hợp đồng, theo hợp đồng tại điều 10 quy định “ Bên B” tức bên thuê đất được sang lấp bờ cõi theo ý muốn của mình nhưng không làm mất ranh đất giữa các hộ dân nhưng phía bị đơn cố tình ban bờ ranh đất của cụ H và ông L với đất ông Q khoảng 50% chiều dài diện tích đất, cụ H, ông L có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết vào tháng 02/2017 và được Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vào tháng 03/2017. Đến ngày 14/7/2017 giữa của cụ H và ông L và bị đơn ông D, ông H tự thỏa thuận với nhau nên làm đơn rút lại yêu cầu khởi kiện sau đó do không thỏa thuận được nên của cụ H và ông L tiếp tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T.

Nay cụ H, ông L yêu cầu ông H, ông D thực hiện đúng hợp đồng thuê đất trồng cam đã ký vào ngày 03/11/2016 là trả thêm số tiền thuê đất đợt hai 141.720.000 đồng và khôi phục lại ranh đất ban đầu đã bị đào theo số liệu diện tích của Hội đồng thẩm định đất tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 5, diện tích 11.810m², tọa lạc ấp M3, xã M1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do cụ H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông H, ông D đại diện ông D có ông H trình bày:*

Ông H, ông D có ông H làm đại diện theo ủy quyền thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc thỏa thuận thuê đất ngày giao tiền, phía ông H có tiến hành cải tạo đất trồng cam nhưng đến tháng 02/2017 cụ H, ông L ra ngăn cản với lý do làm sai quy định của hợp đồng làm mất bờ ranh đất giữa 02 bên chủ đất vì trong hợp đồng có quy định tại điều 10 như sau “Bên B có quyền san lấp bờ cõi theo ý muốn của mình nhưng không làm mất ranh đất giữa các hộ dân”, ông H cho rằng ông không vi phạm hợp đồng vì trụ ranh và bờ ranh vẫn còn, vào khoảng tháng 03/2017, cụ H khởi kiện ra Tòa án T giải quyết tranh chấp hợp đồng thuê đất giữa cụ H, ông L với ông H, ông D và ông T là người làm công. Tại buổi làm việc của Tòa án hai bên thỏa thuận giao tiền thuê đất còn lại và bên thuê đất đồng ý hỗ trợ chi phí hợp lý để khắc phục bờ ranh cho cụ H và ông L, đến ngày 16/7/2017 dl, ông T có mang tiền đến nhà của cụ Hai để thanh toán số tiền thuê đất đợt 2 còn lại nhưng phía cụ H không nhận tiền lý do chưa thỏa thuận được chi phí khắc phục bờ

ranh, từ đó cụ H tiếp tục khởi kiện ra tòa để giải quyết vụ án nên ông H chưa giao tiền thuê đất đợt 2 cho cụ H, ông L.

Nay ông H, ông D đồng ý thanh toán số tiền thuê đất còn lại là 141.720.000 đồng cho cụ H, ông L. Ngoài ra ông H còn trình bày không đồng ý khắc phục bờ ranh như yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng không vi phạm hợp đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lý Phú T trình bày: ông T thống nhất như lời trình bày của ông H không bổ sung gì thêm.

Quan điểm của bà Nguyễn Thị T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Hai:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Phan Thị H là yêu cầu ông H, ông D thực hiện đúng hợp đồng thuê đất trồng cam đã ký vào ngày 03/11/2016 là trả thêm số tiền thuê đất đợt hai 141.720.000 đồng và khôi phục lại ranh đất ban đầu đã bị đào theo số liệu diện tích của Hội đồng thẩm định đất tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 5, diện tích 11.810m², tọa lạc ấp M3, xã M1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do cụ H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có ý kiến:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì:

Ngày 03/11/2016 Cụ Phan Thị H và ông Lê Văn L có cho Nguyễn Trung H và Nguyễn Chí D thuê 11.810m² đất ruộng để trồng cam với giá 4.000.000đ/1.000m²/1 năm, thời gian 5 năm, phương thức thanh toán: sau khi làm hợp đồng thuê đất thì phía ông H và ông D đưa trước 118.000.000 đồng, đến ngày 20/12/2016 sẽ trả đủ phần còn lại là 141.720.000 đồng. Việc thuê đất có làm hợp đồng và được Ủy ban nhân dân xã M1 xác nhận. Trong hợp đồng có thỏa thuận bên thuê có quyền sang lấp bờ theo ý muốn nhưng không được quyền làm mất bờ ranh giữa các hộ dân. Nhưng thực tế ông D và ông H trong lúc sang lấp đã làm đã làm mất đi 50% bờ ranh giữa đất cụ H và đất ông Q. Nay cụ H và ông L yêu cầu ông D và ông H khôi phục lại hiện trạng ban đầu của bờ ranh phân định ranh giới giữa đất của cụ H, ông L và đất của ông Q. Đồng thời yêu cầu ông H và ông D trả cho cụ H và ông L số tiền đợt 2 theo hợp đồng là 141.720.000 đồng.

Từ nội dung sự việc cũng như yêu cầu trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay nhận thấy:

Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện T thì phần bờ ranh mà cụ H và ông L cho rằng đã bị sạt lở thì hiện tại trụ ranh vẫn còn; phần đất của bờ ranh bị sạt lở đầu ngoài là 0,14m, đầu trong là 0,2m chiều dài từ đầu ngoài giáp với hết đất của ông Q. Tổng diện tích bị sạt lở là 118,5m². Tuy nhiên hiện trạng bờ ranh vẫn còn. Từ đó nhận thấy, quá trình từ đất ruộng phân liếp trồng cam thì việc sạt lở bờ đất là không thể tránh khỏi, hướng chi việc sạt lở này diện ra là rất nhỏ: đầu ngoài là 0,14m, đầu trong là 0,2m mà trọng tâm là những trụ phân ranh vẫn còn. Tại phiên tòa hôm nay bản thân ông L cũng thừa nhận việc khắc phục này là không thể thực hiện được. Hơn nữa phía ông D cũng cho rằng nếu khôi phục lại bờ đất như cũ sẽ ảnh hưởng đến việc ông D thường xuyên đưa máy vào tưới tiêu cho vườn cam của ông. Và để khắc phục vấn đề này, trước đây trong hợp

đồng anh đã đồng ý hỗ trợ tiền ban liếp là 2.000.000đ/1.000m² cho ông L và cụ H rồi.

Ngoài ra xét thấy hợp đồng vẫn còn đang thực hiện, bờ ranh đất giữa đất cụ H và đất ông Q vẫn còn nên việc yêu cầu khôi phục lại bờ ranh của cụ H và ông L là không thực tế và chưa có cơ sở chấp nhận.

Riêng đối với việc Cụ H, ông L yêu cầu anh D, anh H tiếp tục trả cho cụ H, ông L số tiền còn lại theo hợp đồng là 141.720.000 đồng thì tại biên bản hòa giải ngày 09/01/2018 hai bên đã thống nhất cho rằng ngày 16/7/2017 ông T là người phụ ông D và ông H quản lý vườn cam, có mang tiền đến nhà trả cho cụ H nhưng cụ H không nhận với lý do lúc đó cụ H đang yêu cầu ông H và ông D khôi phục lại bờ ranh cho cụ nên cụ chưa chịu nhận tiền. Và trên thực tế thì đến nay ông D và ông H cũng chưa trả tiền cho cụ H, ông L. Tuy nhiên tại phiên hòa giải ông H cũng đồng ý trả tiếp cho cụ H và ông L số tiền còn lại là 141.720.000đ. Tại phiên tòa hôm nay hai bên đã thỏa thuận xong và thực hiện việc giao nhận tiền xong.

Từ những lý do trên, Từ những lý do trên, Căn cứ các Điều 212 BLTTDS 2015, Điều 500, 501, 502 BLDS 2015 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Phan Thị H và ông Lê Văn L; Đối với số tiền 141.720.000 đồng các bên đương sự đã tự thỏa thuận và giao nhận tiền xong tại phiên tòa xong nên không đề cập đến.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Xét theo nội dung yêu cầu khởi kiện; lời trình bày của nguyên đơn cụ H, ông L, bị đơn ông H, ông D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T. Đã đủ cơ sở kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất thuộc loại vụ việc tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2]. **Về trình tự, thủ tục tố tụng:** Tòa án đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục và thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét các tài liệu, chứng cứ Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ. Nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. **Về yêu cầu khởi kiện:**

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn cụ Phan Thị H, ông Lê Văn L và bị đơn ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Chí D có ông H làm đại diện tự thỏa thuận như sau:

Ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Chí D có ông H làm đại diện tiếp tục thanh toán cho cụ Phan Thị H, ông Lê Văn L số tiền thuê đất đợt 2 là 141.720.000 đồng.

Riêng yêu cầu khôi phục lại ranh đất ban đầu đã bị đào theo số liệu diện tích là 118,5m đất tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 5, diện tích 11.810m², tọa lạc ấp M3, xã M1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do cụ Hai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ H, ông L vẫn tiếp tục yêu cầu.

Theo hợp đồng thuê đất ngày 03/11/2016, thời hạn thuê là từ ngày 12/10/2016 – 12/10/2021 tại Điều 10 ghi rõ: “..... Bên B có quyền sửa sang hoặc sang lấp bờ cõi theo ý muốn mình nhưng không làm mất ranh đất giữa các hộ dân...”. Tại phiên tòa hôm nay: cụ H, ông L, ông H đều khẳng định trụ ranh phân định giữa phần đất của cụ H, ông L và ông Q vẫn còn và cũng không phát sinh tranh chấp ranh với ai.

Từ những chứng cứ trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cụ Phan Thị H, ông Lê Văn L về việc yêu cầu ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Chí D khôi phục lại ranh đất ban đầu đã bị đào theo số liệu diện tích của Hội đồng thẩm định đất tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 5, diện tích 11.810m², tọa lạc ấp M3, xã M1, huyện T – Vĩnh Long do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của cụ Phan Thị H, ông Lê Văn L với ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Chí D như sau: Ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Chí D có ông Nguyễn Trung H làm đại diện theo ủy quyền tự nguyện thanh toán cho cụ Phan Thị H, ông Lê Văn L số tiền thuê đất đợt hai là 141.720.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng). (Đã giao nhận tiền xong).

[4]. **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:** Do yêu cầu của cụ H, ông L không được chấp nhận nên căn cứ vào **khoản 2 Điều 161** của Bộ luật Tố tụng dân sự

Buộc cụ Phan Thị H, ông Lê Văn L phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Được khấu trừ vào số tiền cụ H, ông L đã tạm nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) nên cụ H, ông L không phải nộp thêm.

[5]. **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Cụ Phan Thị H, ông Lê Văn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và số tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần thỏa thuận của cụ H, ông L tại phiên tòa là 3.543.000 đồng (Ba triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng). Tổng cộng là 3.843.000 đồng (Ba triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn đồng). Do cụ H, ông L có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí và án phí ngày 12/10/2017 được chính quyền địa phương xác nhận thuộc diện người cao tuổi, gia đình có công với cách mạng nên theo quy định tại khoản đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí cho cụ H, ông L.

Hoàn lại cho cụ H, ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.543.000 (Ba triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn) đồng theo biên lai thu số N_o 0010266 ngày 24/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Chí D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.543.000 đồng (Ba triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 500, 501, 502 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39, **khoản 2 Điều 161** của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Phan Thị H, ông Lê Văn L về việc yêu cầu ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Chí D khôi phục lại ranh đất ban đầu đã bị đào theo số liệu diện tích của Hội đồng thẩm định đất tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 5, diện tích 11.810m², tọa lạc ấp M3, xã M1, huyện T – Vĩnh Long do cụ H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của cụ Phan Thị H, ông Lê Văn L với ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Chí D như sau: Ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Chí D có ông Nguyễn Trung H làm đại diện theo ủy quyền tự nguyện thanh toán cho cụ Phan Thị H, ông Lê Văn L số tiền thuê đất đợt hai là 141.720.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng). (Đã giao nhận tiền xong).

Kể từ ngày **người được thi hành án** có đơn yêu cầu thi hành án nếu **người bị thi hành án** chưa thi hành án xong thì phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc cụ Phan Thị H, ông Lê Văn L phải chịu chi phí xem xét thẩm định là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Được khấu trừ vào số tiền cụ H, ông L đã tạm nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) nên cụ H, ông L không phải nộp thêm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Cụ Phan Thị H, ông Lê Văn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.843.000 đồng (Ba triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn đồng). Do cụ H, ông L có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí và án phí ngày 12/10/2017 được chính quyền địa phương xác nhận thuộc diện người cao tuổi, gia đình có công với cách mạng nên theo quy định tại khoản đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí cho cụ H, ông L.

Hoàn lại cho cụ H, ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.543.000 đồng (Ba triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số N^o 0010266 ngày 24/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Ông Nguyễn Trung H, ông Nguyễn Chí D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.543.000 đồng (Ba triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Hồng Chi